

Mã đề thi: 311

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Câu 41: Công nghiệp chế biến sản phẩm trồng trọt ở nước ta đã tạo ra

- A. đường mía. B. nước mắm. C. thịt hộp. D. sữa hộp.

Câu 42: Hoạt động nuôi trồng thủy sản của nước ta hiện nay

- A. sản lượng luôn thấp hơn so với khai thác. B. hoàn toàn phục vụ thị trường ở ngoài nước.
C. đối tượng nuôi ngày càng đa dạng thể loại. D. chỉ thực hiện ở các khu vực dọc ven biển.

Câu 43: Hoạt động khai thác khoáng sản biển của nước ta hiện nay

- A. tập trung chủ yếu ở các hải đảo. B. đa dạng về hình thức, sản phẩm.
C. chỉ phục vụ mục đích xuất khẩu. D. hoàn toàn do tư nhân thực hiện.

Câu 44: Thiên tai xảy ra đột ngột, khó dự báo xảy ra ở nước ta là

- A. bão lớn. B. cháy rừng. C. động đất. D. sạt lở đất.

Câu 45: Lao động nông thôn nước ta hiện nay

- A. hầu hết đã qua đào tạo nghề nghiệp. B. chỉ hoạt động trong ngành trồng trọt.
C. phần lớn đã đạt mức thu nhập rất cao. D. tỉ trọng vẫn cao song đang giảm dần.

Câu 46: Sản xuất cây công nghiệp ở nước ta hiện nay

- A. hình thành các vùng chuyên canh. B. chỉ tập trung ở các vùng miền núi.
C. cây hàng năm chiếm tỉ trọng lớn. D. hoàn toàn nguồn gốc từ nhiệt đới.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết cửa sông nào sau đây thuộc tỉnh Bến Tre?

- A. Ba Lai. B. Cổ Chiên. C. Cung Hầu. D. Soi Rạp.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết điểm du lịch nào sau đây nằm ở độ cao 50 - 500m?

- A. Pù Mát. B. Sầm Sơn. C. Cửa Lò. D. Thiên Cầm.

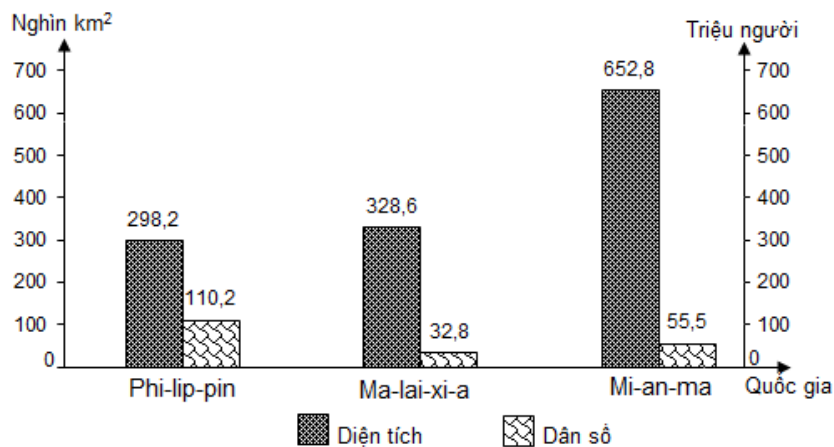
Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, nhà máy điện Bà Rịa nhận khí đốt từ mỏ

- A. Hồng Ngọc. B. Rạng Đông. C. Đại Hùng. D. Bạch Hổ.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết tỉnh nào sau đây có khu kinh tế cửa khẩu?

- A. Lai Châu. B. Hà Tĩnh. C. Thanh Hóa. D. Nghệ An.

Câu 51: Cho biểu đồ:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2021

Nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh diện tích, dân số và mật độ dân số giữa ba quốc gia trên?

- A. Phi-lip-pin có mật độ dân số cao nhất. B. Ma-lai-xi-a có mật độ dân số cao nhất.
C. Mi-an-ma có diện tích và số dân lớn nhất. D. Phi-lip-pin có diện tích và số dân lớn nhất.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 25 nối Tuy Hòa với điểm nào sau đây?

- A. A Yun Pa. B. Quy Nhơn. C. Nha Trang. D. Pleiku.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết thành phố nào sau đây có quy mô dân số nhỏ hơn cả?

- A. Hạ Long. B. Hưng Yên. C. Hải Dương. D. Hải Phòng.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết khu kinh tế ven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Bình. B. Hà Tĩnh. C. Thanh Hóa. D. Nghệ An.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Thái Bình?

- A. Sông Thương. B. Sông Chày. C. Sông Gâm. D. Sông Đáy.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết điểm công nghiệp Tĩnh Túc thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Lạng Sơn. B. Cao Bằng. C. Bắc Kạn. D. Hà Giang.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết đỉnh núi nào sau đây độ cao dưới 2000m?

- A. Pu Huồi Long. B. Pu Tra. C. Pu Si Lung. D. Phu Pha Phong.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm nào sau đây có cơ cấu ngành nhiều hơn cả?

- A. Thanh Hóa. B. Khánh Hòa. C. Đà Nẵng. D. Cần Thơ.

Câu 59: Cho bảng số liệu:

TỈ LỆ SINH, TỈ LỆ CHẾT CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2021

(Đơn vị: ‰)

Năm	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Thái Lan	Mi-an-ma
Tỉ lệ sinh	21,0	15,0	9,0	20,0
Tỉ lệ chết	6,0	5,0	8,0	9,0

(Nguồn.: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê. 2022)

Theo bảng số liệu, cho biết quốc gia nào có tỉ lệ tăng tự nhiên cao nhất?

- A. Ma-lai-xi-a. B. Cam-pu-chia. C. Thái Lan. D. Mi-an-ma.

Câu 60: Cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ của nước ta hiện nay

- A. không có ở ven biển. B. tập trung ở miền núi.
C. đều khắp ở các vùng. D. có các khu chế xuất.

Câu 61: Đông Nam Bộ đang dẫn đầu cả nước về

- A. giá trị công nghiệp. B. diện tích rừng già.
C. sản lượng lúa gạo. D. diện tích trồng chè.

Câu 62: Vùng biển nào sau đây, thuộc chủ quyền nước ta song nước ngoài được tự do hoạt động hàng hải?

- A. Lãnh hải và nội thủy. B. Vùng nội thủy.
C. Vùng lãnh hải. D. Đặc quyền kinh tế.

Câu 63: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây có bão xuất hiện muộn hơn cả?

- A. Bắc Trung Bộ. B. Tây Bắc Bộ. C. Đông Bắc Bộ. D. Nam Trung Bộ.

Câu 64: Các đô thị nước ta hiện nay

- A. có số dân nhỏ, mật độ dân cư thấp. B. hầu hết là các trung tâm du lịch lớn.
C. là nơi tạo ra được nhiều việc làm. D. chỉ phân bố ở các vùng đồng bằng.

Câu 65: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết trong các tỉnh sau đây tỉnh nào có tổng số lượng gia súc lớn nhất?

- A. Bắc Kạn. B. Hà Giang. C. Điện Biên. D. Lai Châu.

Câu 66: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết tỉnh nào sau đây có sân bay Chu Lai?

- A. Bình Định. B. Quảng Nam. C. Khánh Hòa. D. Quảng Ngãi.

Câu 67: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây có tỉnh lỵ **không** trùng tên tỉnh?

- A. Hà Tĩnh. B. Thanh Hóa. C. Quảng Bình. D. Sơn La.

Câu 68: Hoạt động vận tải hàng không của nước ta hiện nay

- A. chỉ có doanh nghiệp Nhà nước. B. phát triển đồng đều ở các vùng.
C. được quan tâm đầu tư, phát triển. D. chủ yếu phục vụ khách quốc tế.

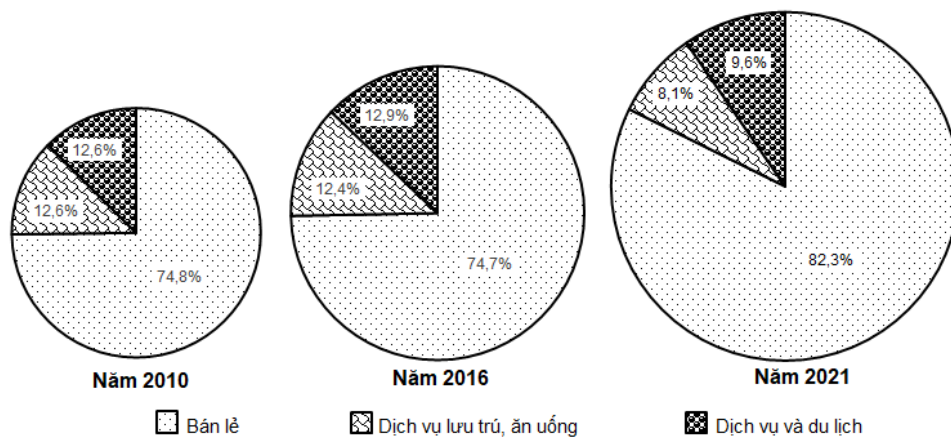
Câu 69: Biện pháp nhằm bảo vệ đa dạng sinh học của nước ta hiện nay là

- A. nhập nhiều loại lâm sản. B. mở rộng vườn quốc gia.
C. đẩy mạnh chế biến gỗ. D. khai thác rừng đầu nguồn.

Câu 70: Sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay theo xu hướng

- A. giảm nuôi trồng, tăng đánh bắt. B. tăng khai khoáng, giảm chế biến.
C. tăng tỉ trọng sản phẩm cao cấp. D. tăng dịch vụ, giảm công nghiệp.

Câu 71: Cho biểu đồ về tỉ trọng giá trị của các lĩnh vực trong nội thương của nước ta qua các năm



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô, cơ cấu giá trị phân theo ngành của nội thương qua các năm.
B. Tốc độ tăng về trị giá của các lĩnh vực trong nội thương ở nước ta.
C. Sự thay đổi giá trị của các lĩnh vực hoạt động nội thương nước ta.
D. Quy mô giá trị các lĩnh vực trong hoạt động nội thương qua các năm.

Câu 72: Cho bảng số liệu:

TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG PHÂN THEO NGÀNH KINH DOANH TRONG HOẠT ĐỘNG NỘI THƯƠNG NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

(Đơn vị: Nghìn tỉ đồng)

Nội thương \ Năm	2010	2012	2016	2018	2021
Tổng số	1677,4	2369,2	3546,3	4393,6	4657,1
Bán lẻ	1254,2	1740,4	2648,9	3308,1	3830,6
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	212,1	305,7	439,9	534,2	379,4
Dịch vụ và du lịch	211,1	323,1	457,5	551,3	447,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng phân theo ngành kinh doanh, giai đoạn 2010 - 2021. Dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Cột. C. Đường. D. Kết hợp.

Câu 73: Nhân tố nào sau đây có vai trò chủ yếu giúp hoạt động nội thương nước ta ngày càng phát triển?

- A. Nhiều doanh nghiệp bán lẻ nước ngoài quan tâm, đầu tư.
B. Dân số đông, chất lượng sản phẩm đáp ứng tốt thị trường.
C. Đa dạng hóa thị trường, tăng cường quản lý của Nhà nước.
D. Kinh tế phát triển ổn định, hình thức đa dạng và linh hoạt.

Câu 74: Giải pháp chủ yếu giúp Duyên hải Nam Trung bộ thực hiện phân công lao động mới trong phát triển kinh tế - xã hội là

- A. chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, kết nối đất liền với biển đảo.
- B. phát triển hạ tầng giao thông vận tải, nâng chất lượng lao động.
- C. đẩy mạnh đánh bắt xa bờ, tạo cơ cấu kinh tế lãnh thổ liên hoàn.
- D. xây dựng chuỗi đô thị hiện đại, phát triển tổng hợp kinh tế biển.

Câu 75: Thuận lợi chủ yếu giúp Đồng bằng sông Hồng đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là

- A. dân cư đông đúc, có lịch sử khai thác lãnh thổ từ lâu đời.
- B. địa hình khá đa dạng, giàu có về tài nguyên sinh vật biển.
- C. giàu tài nguyên thiên nhiên, ít bị ảnh hưởng của thiên tai.
- D. lao động có trình độ, cơ sở vật chất kĩ thuật khá hoàn thiện.

Câu 76: Giải pháp chủ yếu giúp Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu là

- A. đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành, lãnh thổ sản xuất.
- B. tăng cường đào tạo lao động, điều chỉnh phân bố dân cư.
- C. nâng cấp hạ tầng giao thông, mở rộng các cơ sở chế biến.
- D. thu hút các nguồn lực đầu tư, tăng thêm mô hình trang trại.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp hàng hóa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. thu hút đầu tư, khai thác triệt để tài nguyên, nâng mức sống dân cư.
- B. phát triển kinh tế hàng hóa, tạo nguyên liệu tại chỗ cho việc chế biến.
- C. phát huy thế mạnh, tăng trưởng kinh tế, tạo đà cho công nghiệp hóa.
- D. phù hợp xu thế chung, tạo thế cạnh tranh với nông sản Trung Quốc.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành cơ cấu nông, lâm, ngư từ Tây sang Đông ở Bắc Trung Bộ là

- A. phát triển kinh tế các huyện nghèo ở phía Tây, phân bố lại dân cư.
- B. tăng sự kết nối Đông - Tây, tạo thêm việc làm, hình thành đô thị.
- C. phát huy thế mạnh từng khu vực, tạo liên hoàn lãnh thổ sản xuất.
- D. chuyển dịch cơ cấu ngành, tạo sức hút các nhà đầu tư nước ngoài.

Câu 79: Mùa mưa ở khu vực duyên hải miền Trung nước ta lùi dần về thu đông, chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. vị trí giáp biển, địa hình đón gió, các dãy núi hướng Đông - Tây.
- B. hoàn lưu khí quyển, địa hình dãy Trường Sơn, hoạt động của bão.
- C. Tín phong bán cầu Bắc, hoạt động của bão và dải hội tụ nhiệt đới.
- D. hướng nghiêng địa hình, hướng các dãy núi, gió mùa tây nam ẩm.

Câu 80: Ý nghĩa chủ yếu của biện pháp đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. góp phần phân bố lại dân cư, tạo nông sản hàng hóa.
- B. sử dụng hợp lí tài nguyên, tránh rủi ro trong tiêu thụ.
- C. đa dạng nông sản hàng hóa, tạo thêm nhiều việc làm.
- D. khai thác hiệu quả tài nguyên, hạn chế được thiên tai.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.